TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY ĐỨC** **TỈNH ĐĂK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST
Ngày 06 - 5 - 2022
"V/v Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC - TỈNH ĐĂK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Quang Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Minh và ông Lưu Ngọc Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Điểu Smi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tham gia phiên toà*:* Ông Phạm Ngọc Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 105/2021/TLST- HNGĐ ngày 06/10/2021 về việc "*Ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST ngày 20/4/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị Hồng N, sinh năm 1998; địa chỉ: Bon B, xã Q, huyện T, tỉnh Đăk Nông – có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Lê Quang D, sinh năm 1995; địa chỉ: Bon B, xã Q, huyện T, tỉnh Đăk Nông – vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi liên quan: Cháu Lê Hoàng Gia Ph, sinh ngày 16/5/2017, địa chỉ: Bon B, xã Q, huyện T, tỉnh Đăk Nông.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Ph:

- Chị Phan Thị Hồng N; địa chỉ: Bon B, xã Q, huyện T, tỉnh Đăk Nông – là mẹ cháu Ph – có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Anh Lê Quang D; địa chỉ: Bon B, xã Q, huyện T, tỉnh Đăk Nông – là cha cháu Ph. – vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phan Thị Hồng N trình bày: Chị N và Anh Lê Quang D tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 28/11/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Q. Sau khi kết hôn, Chị N và anh D chung sống với gia đình Chị N tại bon B, xã Q, huyện T. Quá trình chung

sống, do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và không tôn trọng nhau, anh D không lo làm ăn mà thường xuyên nhậu nhẹt; sử dụng ma tuý, phải đi cai nghiện; Chị N và anh D đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, sự việc xảy ra, Chị N không có trình báo cơ quan đoàn thể và chính quyền tại địa phương. Nhận thấy vợ chồng đã không còn tình cảm với nhau; mục đích hôn nhân không còn đạt được nên Chị N làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với Anh Lê Quang D.

Về con chung: Quá trình chung sống, Chị N và Anh Lê Quang D có 01 con chung là cháu Lê Hoàng Gia Ph, sinh ngày 16/5/2017. Nguyện vọng Chị N là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Ph đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu cấp dưỡng. Hiện nay, Chị N đang kinh doanh dịch vụ Bida trên địa bàn xã Q, thu nhập trung bình 10.000.000 đồng/tháng nên có đủ khả năng nuôi cháu Ph.

Đối với tài sản chung và nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn Anh Lê Quang D: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh D đến trụ sở Toà án để giải quyết ly hôn với Chị N nhưng anh D vắng mặt. Qua xác minh tại Công an xã Q xác định: "*Anh D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Bon B, xã Q, chưa chuyển hộ khẩu đi đâu; thời điểm xác minh không có mặt nhưng thỉnh thoảng vẫn về sinh sống tại địa phương*". Anh D vắng mặt tại địa phương nên Tòa án và chính quyền địa phương không thể tống đạt các văn bản tố tụng cho anh D được. Tòa án đã niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh D theo quy định. Tuy nhiên, anh D không có ý kiến và không cũng đến Tòa án theo thông báo, quyết định của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức phát biểu ý kiến:

Toà án nhân dân huyện Tuy Đức thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về người tham gia tố tụng và thu thập chứng cứ: Toà án xác định đúng người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng quy định, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên toà sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án; căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Hồng N.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Hồng N ly hôn với Anh Lê Quang D.

Về con chung: Giao cháu Lê Hoàng Gia Ph, sinh ngày 16/5/2017 cho Chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung: do Chị N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Phan Thị Hồng N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0002006 ngày 06/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết vào quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Phan Thị Hồng N khởi kiện yêu cầu ly hôn với Anh Lê Quang D và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung; anh D đăng ký thường trú tại Bon B, xã Q, huyện T đây là tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, qua xác minh tại chính quyền địa phương xác định: "*Anh D chưa chuyển hộ khẩu đi đâu; thời điểm xác minh không có mặt nhưng thỉnh thoảng vẫn về sinh sống tại địa phương";* Tòa án đã triệu tập và tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh D không đến Tòa án làm việc; Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho anh D theo thủ tục chung nhưng anh không hợp tác, không đến Tòa án làm việc mà không có lý do; không có ý kiến đối với nội dung vụ án, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa ngày 20/4/2022 và phiên tòa hôm nay, anh D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do; nguyên đơn Chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung: Xét yêu cầu ly hôn của Chị N với anh D; Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 28/11/2017, chị Phan Thị Hồng N và Anh Lê Quang D tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Đăk Nông theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa Chị N và anh D là hợp pháp.

Xét tình trạng hôn nhân: Chị N cho rằng, quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và không tôn trọng nhau, anh D không lo làm ăn mà thường xuyên nhậu nhẹt; sử dụng ma tuý, phải đi cai nghiện; Chị N và anh D đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay; quá trình giải quyết

vụ án Chị N xác định không còn tình cảm với anh D. Đối với anh D, khi Chị N nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, anh D cũng không có động thái nào để hàn gắn tình cảm; quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ, anh D vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên tòa là thể hiện thái độ không còn mong muốn đoàn tụ. Với thực trạng hôn nhân nói trên cho thấy mâu thuẫn giữa Chị N và anh D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của Chị N với anh D là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật.

[4]. Về con chung: Chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là cháu Lê Hoàng Gia Ph, sinh ngày 16/5/2017. Tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Vợ,chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; ..."*. Do anh D vắng mặt nên không thỏa thuận được với Chị N về người trực tiếp nuôi con chung; hiện tại, cháu Ph đang sống chung với Chị N. Để tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo sự phát triển bình thường cho cháu nên Hội đồng xét xử giao cháu Ph cho Chị N được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp, anh D có yêu cầu về con chung sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác. Chị N không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Thị Hồng N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0002006 ngày 06/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị Hồng N.

1. Về hôn nhân: Chị Phan Thị Hồng N ly hôn với Anh Lê Quang D.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Hoàng Gia Ph, sinh ngày 16/5/2017 cho chị Phan Thị Hồng N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi đủ tuổi thành niên.

Anh Lê Quang D có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp, anh D có yêu cầu về con chung sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Phan Thị Hồng N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0002006 ngày 06/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đăk Nông;
- VKSND tỉnh Đăk Nông;
- VKSND huyện T;
- Chi Cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Đăk Nông.
- Lưu, HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Phan Quang Trung